

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

THỰC TRẠNG HÔN NHÂN Ở NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH

TRẦN MẠNH CÁT

Nói đến Nhật Bản người ta thường nghĩ đến một quốc gia phát triển cao, là cường quốc kinh tế thứ hai sau Mỹ, là nước có thu nhập cao nhất thế giới tính theo đầu người... mà ít ai nghĩ đến quốc gia này còn bảo lưu rất nhiều những tàn tích xa xưa trong mọi lĩnh vực xã hội như: lối sống, tôn giáo, phong tục tập quán..., mà hôn nhân là một trong những tàn tích đó. Bài viết này chỉ đề cập tới lĩnh vực hôn nhân.

Xã hội Nhật Bản cũng tương tự như xã hội Việt Nam, hôn nhân được mọi người xem như "một việc đương nhiên", như một "nấc thang" trong cuộc sống của mỗi con người bình thường ở độ tuổi trưởng thành.

Theo bộ luật hiện hành, ở Nhật Bản nam 18 tuổi và nữ 16 tuổi được phép kết hôn. Quy định trên phù hợp với tập tục truyền thống dân tộc. Nhưng trên thực tế, tuổi kết hôn của nam và nữ đều cao hơn nhiều so với quy định của luật pháp. Việc đăng ký kết hôn được tiến hành ở uỷ ban hành chính xã (ở nông thôn) phường (thành phố, thị trấn, thị xã) trên cơ sở hai bên nam nữ có đề nghị chính quyền và phải điền những thông tin cần thiết vào mẫu đơn đã có sẵn, có chữ ký của cô dâu, chú rể và cả hai người làm chứng. Không cho phép những cuộc hôn nhân giữa

những người có họ hàng theo trục hệ hoặc bàng hệ và cả những người bà con gần với người đã được gia đình nhận làm con nuôi.

Trước và sau chiến tranh thế giới thứ 2 những cuộc hôn nhân theo truyền thống có sự mai mối, sắp đặt của cha mẹ hai phía là chuyện gần như tuyệt đối. Trong hôn nhân, cô dâu và chú rể không đóng vai trò quan trọng mà mọi việc đều phụ thuộc vào cha mẹ, họ hàng và những người mối lái (Nakodo). Thường sau đám cưới người vợ trẻ phải đổi họ theo họ chồng và phải chuyển về nhà chồng sống cùng với mẹ, anh chị em chồng. Họ trở thành một thành viên trong đại gia đình lớn (*ie*) có thể do người ông hoặc người cha của chồng mình làm chủ. Chỉ trong một số trường hợp hãn hữu, khi gia đình bên vợ không có con trai thì người chồng có thể nhận bố mẹ vợ làm cha mẹ đẻ. Trong những trường hợp này người chồng phải thay đổi theo họ vợ và trở thành người thừa kế bên nhà vợ và là người đứng chủ gia đình. Dĩ nhiên, người chồng phải cư trú bên nhà vợ và trở thành người điều hành mọi việc sản xuất hoặc kinh doanh v.v. Việc lấy vợ gả chồng cho con cái được bố mẹ cô dâu chú rể xem như công việc hệ trọng chung của hai phía gia đình, trước

hết liên quan tới các toan tính về mặt kinh tế và các lợi ích vật chất khác.

Vậy thì, hôn nhân truyền thống Nhật Bản theo sự sắp đặt là như thế nào? Việc miêu tả tương đối tỉ mỉ về loại hôn nhân này được nhiều tác giả đề cập tới. Hôn nhân theo dàn xếp hay mối lái (*miai kekkon*), có nghĩa là những người tham gia vào việc mối lái nói thẳng cho nhau biết mục đích của cuộc hôn nhân theo gợi ý hoặc của cha mẹ hoặc của bạn bè hai bên gia đình, hoặc của người trung gian. Cuộc hôn nhân như vậy cũng có nghĩa là những tiêu chí quan trọng trong việc chọn cô dâu, chú rể đều mang tính khách quan. Những tiêu chí đó là: đức hạnh của cô dâu, nề nếp, gia phong của gia đình, dòng họ, triển vọng của các mối quan hệ thông gia sau hôn nhân, khả năng làm vợ, làm mẹ, cũng như khả năng quản lý các công việc trong gia đình của cô dâu, v.v... Sự cân nhắc đó cũng tính đến "những tư chất riêng khác của cô dâu như: vẻ đẹp bề ngoài, sức khỏe, sự thông minh, trình độ học vấn hoặc đã qua các lớp học nữ công gia chánh (cắm hoa, trà đạo, nấu ăn v.v...). Đối với chú rể, thì khả năng quản lý kinh tế, điều hành sản xuất, kinh doanh được đặc biệt lưu ý vì đây là nguồn cung cấp thu nhập nuôi sống gia đình tương lai.

Những người đứng ra làm trung gian - làm mối (*nakodo*) - là những nhân vật quan trọng trong các cuộc hôn nhân. Họ có thể là những người không chuyên hoặc cũng có thể chuyên làm công việc này. Thường họ là những người khởi xướng, tìm kiếm những đôi trai gái sao cho tương

xứng với nhau, để mối lái giúp họ trở thành những cô dâu, chú rể. Muốn vậy, họ phải đi tìm hiểu những gia đình trong vùng có con cái đến tuổi lấy vợ, lấy chồng, tìm hiểu gia cảnh, họ hàng của những gia đình đó. Sau đó, họ đến những gia đình này bày tỏ nhã ý và đưa ra những đề nghị. Nếu những gợi ý đó được hai bên gia đình chấp nhận thì người làm trung gian sẽ đứng ra thu xếp mọi việc. Họ sẽ thông báo cho hai gia đình những thông tin cần thiết v.v... rồi xin phép cho cô dâu, chú rể tương lai được gặp nhau và đi đến quyết định. Theo truyền thống, những cuộc hôn nhân dàn xếp như vậy, quyền quyết định cuối cùng thuộc về cha mẹ của chàng trai và cô gái. Rõ ràng, phong tục tập quán đã buộc họ phải tuân theo ý chí và sự sắp đặt của cha mẹ.

Một trong những đặc điểm quan trọng của hôn nhân dàn xếp ở Nhật Bản là người đứng ra làm mai mối giữ vai trò chủ đạo, không những trong việc thu xếp cho đôi trai gái gặp nhau, làm quen với nhau mà còn cả cho cha mẹ họ nữa. Người làm mai mối cũng đóng vai trò không nhỏ trong quá trình "đàm phán" giữa hai gia đình. Chẳng hạn về điều kiện mỗi bên đặt ra, về thủ tục cũng như tổ chức đám cưới v.v... và còn hơn thế nữa, là công việc giám sát các mối quan hệ của cặp vợ chồng trẻ sau đám cưới. Nói một cách khác, nhìn từ góc độ xã hội, người trung gian - mối lái - là người được hai gia đình uỷ quyền để tạo dựng hạnh phúc cho con cái của họ. Chính vì vậy mà, người trung gian - mai mối - phải có trách nhiệm, trước hết là trách nhiệm về mặt đạo đức. Theo truyền thống, không phải ngẫu nhiên mà

người mai mối được cả hai gia đình thưởng công, không những trong ngày cưới của con cái họ mà còn cả trong suốt nhiều năm sau đó, thường là quà cáp, hai lần trong năm vào dịp năm mới và rằm tháng bảy.

Thời gian sau chiến tranh và suốt nhiều năm sau khi bộ luật dân sự ban hành (năm 1947), những nghi thức kết hôn theo sự dàn xếp của người mai mối (*nakodo*) vẫn chiếm hầu như tuyệt đối không những ở vùng nông thôn mà còn ở các thị xã, thị trấn khắp các tỉnh trong cả nước Nhật Bản. Hình thức kết hôn này phổ biến không những ở tầng lớp nông dân mà còn ở đủ mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, kể cả ở những đô thị lớn, các thành phố công nghiệp. Song, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kinh tế cũng như những tiến bộ của xã hội đã tác động mạnh mẽ vào tất cả các lĩnh vực của đời sống người dân. Những năm 60-70 của thế kỷ 20 là thời kỳ phát triển nhanh của nền kinh tế Nhật Bản, những dòng người lũ lượt trong số đó chủ yếu là tầng lớp thanh niên từ các miền quê kéo ra các thành phố và những khu công nghiệp để kiếm việc làm. Chính sự "di dân" này đã phần nào "tháo bớt xiềng xích" của tầng lớp thanh niên ra khỏi sự "trông nom" khắt khe của cha mẹ họ, và của những tập tục truyền thống có sức sống dai dẳng ở các miền quê. Cùng với dòng người đổ xô ra thành thị, cùng với sự phát triển ngoại thương cũng như các mối quan hệ khác với thế giới bên ngoài, các hệ tư tưởng, văn hoá Mỹ nói riêng, phương Tây nói chung cũng dần dần thâm nhập vào xã hội Nhật Bản. Nó có những ảnh hưởng

nhất định đến các tầng lớp dân cư, nhất là đối với tầng lớp thanh niên và giới trí thức. Những quan niệm theo truyền thống về tình yêu, hôn nhân và gia đình có những biến chuyển nhất định, dần dần nhường chỗ cho những cách nhìn nhận mới. Ngày nay, nam nữ thanh niên Nhật Bản thường có xu hướng xa rời những tập tục truyền thống, những nguyên tắc bắt buộc phải tuân theo khi kết hôn, họ có cách đánh giá và quyết định riêng của bản thân mình, không theo sự sắp đặt sẵn của cha mẹ. Hiện tại, những cảm xúc yêu thương và sự gắn bó giữa những đôi vợ chồng trẻ đã đóng vai trò ngày càng to lớn trong quan hệ hôn nhân của tầng lớp thanh niên, thay thế cho những toan tính về mặt vật chất, tiền bạc trước đây. Song, liệu xu hướng này đã trở thành chủ đạo ở Nhật Bản hay không?, trả lời cho câu hỏi này, hiện còn có nhiều ý kiến tranh cãi.

Trong các sách báo do các nhà xuất bản Nhà nước ấn hành, các thông tin và số liệu công bố làm cho người đọc cảm thấy dường như khái niệm hôn nhân "do tình yêu" không được rõ ràng, dường như các giá trị truyền thống của Nhật Bản thời xa xưa không còn trói buộc hành động của tầng lớp thanh niên. Có thể nói, ở Nhật Bản hiện nay, hôn nhân do các nam nữ thanh niên tự tìm hiểu và từ tình yêu chiếm tuyệt đại đa số so với hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, kể cả so với những năm cách đây gần nửa thế kỷ. Cuộc nghiên cứu ở thành phố Nagoya năm 1955 về hai loại hôn nhân do tình yêu và do cha mẹ sắp đặt cho thấy rõ điều đó:

Bảng 1: Tình hình hôn nhân trước và sau chiến tranh

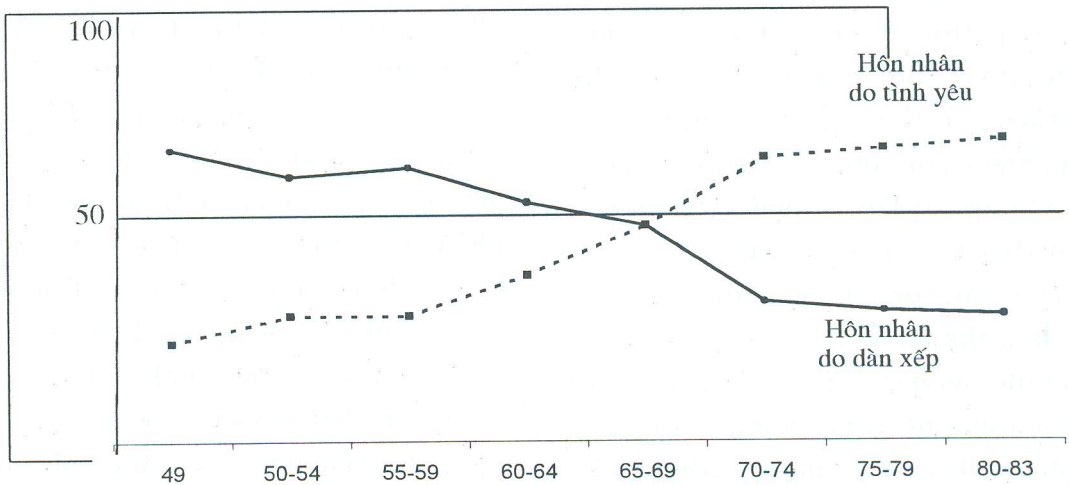
TT	Hình thức hôn nhân	Trước chiến tranh	Sau chiến tranh
1	Hôn nhân theo mai mối	78%	67%
2	Hôn nhân do tình yêu	13%	31%
3	Các hình thức hôn nhân khác	9%	2%

Nguồn: C.A.Arutiunov- Lối sống hiện nay của người Nhật Bản, M.1968, tr.51

Theo số liệu của Bộ Phúc lợi xã hội công bố năm 1973, kết quả của công trình điều tra trên phạm vi toàn quốc, cho thấy hôn nhân do tình yêu chiếm tới 66,9% tổng số cặp kết hôn năm đó, còn hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, do mối lái chỉ chiếm 33,1%. Còn theo số liệu của Trung tâm Nghiên cứu về Hôn nhân ở Tokyo năm 1974, trả lời cho câu hỏi: anh (chị) lấy vợ (chồng)

do tình yêu hay do cha mẹ sắp đặt thì có đến 87,6% số người mới cưới trả lời họ lấy nhau "vì tình yêu". Còn theo số liệu gần đây nhất mà chúng tôi có được thì hôn nhân do cha mẹ sắp đặt trong những năm 60 vẫn chiếm đa số, sau đó giảm dần và hôn nhân "do tình yêu" bắt đầu tăng dần vào những năm 70 - 80 của thế kỷ 20.

Bảng 2: Biểu đồ hôn nhân do tình yêu và hôn nhân do dàn xếp



Nguồn: Ochiai Emiko – The Japanese family system in transition- LTCB International Library Foundation, 1994, p.114

Song, có những lý do để hoài nghi về việc đánh giá những thông tin trên, bởi rằng rất nhiều các bà vợ trẻ trong quá trình phỏng vấn đã đưa ra những đánh giá mập mờ cho những hành động của mình khi tự xếp vào loại, "lấy chồng do tình yêu" mặc dầu trên thực tế lễ đính hôn

và cưới xin đều do mai mối và cha mẹ sắp đặt. Có rất nhiều cặp vợ chồng lấy nhau do cha mẹ sắp đặt, sau một thời gian chung sống đã thực sự thương yêu nhau cũng tuyên bố cho rằng đám cưới của họ được tổ chức "do tình yêu". Còn một số cặp vợ chồng trẻ khác thì lại công khai thừa

nhận cuộc hôn nhân của mình do cha mẹ sắp đặt là không thức thời và nhưng rồi lại nói rằng cuộc hôn nhân của họ do cả hai người yêu nhau, mặc dầu trên thực tế không phải như vậy.

Những người ủng hộ các cuộc hôn nhân theo sắp đặt, mai mối truyền thống thường thuộc về thế hệ đã có tuổi. Họ tiếp tục tác động đến dư luận xã hội, cho rằng hôn nhân theo sự sắp đặt là loại hoàn hảo nhất, các tác giả của cuốn sách mỏng, là hai nhà xã hội học Kerol và Nobuo Akjama đã viết như vậy. Hai tác giả này cho rằng, những người chuyên làm nghề mối lái đã bỏ ra nhiều công sức tìm kiếm các cô dâu và chú rể tương lai và thu xếp cho họ làm quen với nhau. Những người mối lái là những người hiểu biết rất rõ những người có hoàn cảnh phù hợp nhau cũng như khả năng tiếp thu những ý kiến và đưa ra những quyết định hợp lý. Nếu như hiểu theo cách giải thích này, thì những người tự tìm kiếm cho mình bạn đời thường mắc phải những sai lầm, không có những căn cứ xác thực, thường nảy sinh tình yêu bông bột, chớp nhoáng, lãng mạn và do vậy, hôn nhân thường không bền vững và cũng không thể tạo nên nền tảng vững chắc cho các mối quan hệ giữa những con người đó với nhau.... Còn hôn nhân ở Nhật Bản là hôn nhân theo xu hướng bền chặt. Do vậy, nhiều gia đình hiện nay, trên thực tế, khi cha mẹ lựa chọn chàng rể cho con gái, cũng như con dâu cho con trai đều phải nhờ đến "tầng lớp trung gian" với mục đích trên (Latusev.I.A, tài liệu đã dẫn, tr.24). Thường thì cô dâu chú rể đều rất kính trọng cha mẹ và chấp nhận sự lựa chọn. Bình luận về vấn đề hôn nhân ở Nhật Bản từ *The Herald International*

Tribune ngày 3/1/1996 đã đăng bài khá dài "Gia đình nông dân Nhật Bản: đang khủng hoảng về lối sống" của Nicolas Kristof nói về cuộc sống của các gia đình nông dân vùng Omiya nằm ở phía tây nam thủ đô Tokyo 300km. Bài báo miêu tả bức tranh ảm đạm của làng quê Nhật Bản trong quá trình công nghiệp hoá. Thanh niên rời bỏ làng xóm đổ xô ra thành thị. Việc hôn nhân kế thừa (định chế kế thừa theo người con trai trưởng - *chô nan*)(*) rất khó khăn vì ít cô gái ngày nay muốn trở thành bà chủ nhà cai quản công việc nội trợ, chăm sóc bố mẹ chồng. Hầu hết lớp người hiện nay ở độ tuổi từ 50 đến 60 đều đã từng có những cuộc hôn nhân dàn xếp. Nhân vật chính của bài báo là bà Yuri Uemura kể về cuộc hôn nhân do cha mẹ xếp đặt 40 năm trước với một người đàn ông - một người mà bà chưa bao giờ có tình yêu. Bà thường nhớ tới những trận đòn ông ta dành cho bà. Hơn 40 năm chung sống chưa bao giờ yêu bà, chưa bao giờ chúc bà ăn ngon trong các bữa ăn, không bao giờ nói lời cảm ơn và cũng chưa bao giờ tỏ ra âu yếm với bà... Tóm lại ông bà Uemura có một cuộc hôn nhân vững chắc nhưng không hạnh phúc. Để giải thích bản chất của các cuộc hôn nhân mai mối, do cha mẹ sắp đặt, Mochizuki Takashi - giáo sư trường đại học Taisho cho rằng chức năng chủ yếu của cuộc hôn

* Theo tập tục này, tài sản của cha mẹ để lại đặc biệt là nhà cửa, đất đai, vườn tược... đều thuộc quyền thừa kế của người con trai trưởng. Người con trai trưởng trở thành người đứng đầu gia đình, có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ già. Những người con trai thứ khác sau khi lấy vợ đều phải chuyển đi nơi khác, còn những người con gái đi lấy chồng thì về nhà chồng và đổi theo họ nhà chồng.

nhân dân xếp là để đảm bảo sự duy trì nòi giống cũng như kế thừa gia sản và huyết thống. Môn đăng hộ đối là một điều kiện chủ yếu. Sự phù hợp tính tình của đôi trai gái cũng như tình cảm của họ đối với nhau chỉ là thứ yếu (Mochizuki Takashi - *Định chế hôn nhân thay đổi theo thời gian*, trong tạp chí Nipponia, N9/1999, tr.12).

Mặt khác, cũng không thể không nhận thấy điều là, bản thân hôn nhân do dàn xếp, phần lớn các trường hợp không hoàn toàn giống như thời đầu sau chiến tranh. Nếu như trước kia, việc quyết định trong hôn nhân không phải là đôi trai gái, mà là do cha mẹ cha mẹ họ quyết định, thì hôn nhân do sắp đặt ngày nay là kết quả của sự tìm hiểu ở cả hai phía, các cuộc điều đình thương lượng và quyết định của đôi trai gái và cha mẹ họ cùng với sự nhiệt tình giúp đỡ của bạn bè, anh em họ hàng... và cả sự giúp sức của tầng lớp mai mối chuyên nghiệp.

Hôn nhân do dàn xếp thường bắt đầu bằng việc in những tấm ảnh mẫu cô con gái kèm theo một số thông tin như: trình độ học vấn, tuổi tác, hoàn cảnh gia đình, sở thích... Những bức ảnh được chuyển cho bạn bè (của cha mẹ) họ hàng và một số người chuyên môi giới (*Nakado*). Khi người trung gian - mối lái tìm được chàng trai nào phù hợp, họ sẽ tổ chức cho cô gái và chàng trai này gặp nhau ở một địa điểm nào đó như ở trong một nhà hàng hay khách sạn...

Một cô gái Nhật Bản trẻ tuổi, là con của một doanh nhân giàu có, đã cho biết rằng năm gần đây nhất cô ta đã có 8 lần "gặp mặt" như vậy. Về việc này, cô cũng cho biết thêm " Khi tôi gặp bạn gái cùng học trước

đây, chúng tôi thường hỏi nhau "cậu mấy lần rồi?", nghĩa là chúng tôi đều hiểu rằng người ta đã tổ chức cho chúng tôi gặp mặt bấy nhiêu lần. Cha mẹ tôi muốn tôi lấy chồng, tôi buộc phải làm bộ đồng ý với cha mẹ, nhưng sau mỗi lần như vậy tôi đều nói "không" (Latusev- tài liệu đã dẫn, trang 24).

Việc con cái ngày nay chối từ sự sắp đặt của cha mẹ không còn là chuyện hiếm thấy, đặc biệt là đối với các cô gái. Thời kỳ trước chiến tranh tầng lớp thanh niên Nhật Bản thường tôn trọng sự lựa chọn của cha mẹ và rất ít khi họ chối từ sự lựa chọn đó.

Ngày nay, hôn nhân do sắp đặt, đặc biệt là ở các thành phố, khu công nghiệp lớn tập trung đông dân, chỉ còn mang tính hình thức. Song, vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng, hôn nhân theo sự mai mối, sắp đặt của cha mẹ mới đáp ứng được những đặc thù mang tính dân tộc Nhật Bản. "Đàn ông và đàn bà" ở Nhật Bản thường hay ngượng ngùng, nhút nhát, đó là nguyên nhân làm cho hôn nhân theo sắp đặt, mai mối được bảo lưu và trở nên phổ biến. Trong xã hội Nhật Bản, những người khác giới không được tự do gặp gỡ nhau. Một trong số các nhà nghiên cứu ở Tokyo đã nói với tôi: "những cuộc "gặp gỡ" cho đôi trai gái do mai mối sắp đặt - đó cũng là một cách để cho mọi người gặp nhau. Nhờ có tập tục như vậy mà chúng tôi có cơ hội tiếp xúc với những người thuộc đủ mọi thành phần, nghề nghiệp, sở thích... ". Mục đích của những cuộc "gặp mặt" như thế là để đi đến kết hôn, và sau hai, ba lần "gặp mặt", cả hai phía cần phải hoặc đồng ý hoặc không (Latusev. I.A, tr. 24).

Ngày nay ở Nhật Bản, tính mâu thuẫn, không nhất quán là những cái vốn có sẵn trong ý thức và trong hành động của các cô dâu chú rể. Trong suy nghĩ của đại đa số, rõ ràng ủng hộ việc tự mình tìm kiếm và lựa chọn bạn đời, nhưng trong thực tế hành động tiến tới hôn nhân của họ thì lại phụ thuộc nhiều vào cha mẹ. Do vậy, nhận định trên thường được phát hiện trong các cuộc nghiên cứu dư luận xã hội, thấy được mâu thuẫn trong các ý kiến của nhiều người được phỏng vấn. Như để trả lời câu hỏi "Liệu anh (chị) sẽ lựa chọn bạn đời cho mình chứ?". Hiếm nhiên phần lớn (65%) đã khẳng định là mình tự do lựa chọn và được biểu lộ thông qua quan hệ gắn bó với loại hôn nhân vì tình yêu. Còn về hôn nhân theo mai mối, sắp đặt, chỉ có 11% số người được phỏng vấn ủng hộ. Song, để trả lời các câu hỏi tiếp theo. "Liệu anh (chị) tự lựa chọn lấy hay là còn để ý đến những ý kiến, dư luận của những người xung quanh?". Chỉ có 46% trả lời là do họ quyết định, còn 38% cho rằng cần phải tham khảo ý kiến của những người khác, phần lớn trong số người này ở độ tuổi thanh niên. Theo các nhà xã hội học Nhật Bản trong sự không nhất quán này đã biểu lộ những tư tưởng triết trung của nền văn hoá, cũng như ý thức xã hội của người phụ nữ Nhật Bản hiện đại. Còn theo như cuốn sách *Ý thức và đạo đức của người phụ nữ Nhật Bản hiện nay* thì bản thân khái niệm "tình yêu" được người Nhật Bản diễn giải theo cách của mình và hôn nhân theo tình yêu có những khác biệt lớn so với các nước phương Tây (Latusev I.A- tr. 24).

Những thông tin dẫn ra ở trên đã cho thấy ngày càng mất đi ranh giới hôn nhân "do tình yêu" và hôn nhân theo "sự mai mối sắp đặt" của cha mẹ. Nhưng chính bản thân "ranh giới" giữa hai loại hôn nhân trên đang mờ nhạt nhanh chóng đã làm cho khái niệm giữa hai loại hôn nhân trên ngày càng mang tính ước lệ hơn. Đối với giới sinh viên, theo tài liệu của báo chí Nhật Bản công bố thì "tuyệt đại đa số" ủng hộ quan điểm "hôn nhân lý tưởng" đó là một cuộc hôn nhân vì tình yêu "sau những lần gặp mặt" do người khác sắp đặt, hoặc do dàn xếp của cha mẹ. Hơn nữa, hai loại hôn nhân nêu trên vẫn tiếp tục tồn tại tách biệt nhau trong ý thức của người Nhật Bản.

Tờ báo *Sankei* ngày 30/3/74 đã đăng một số thông tin, trên cơ sở các số liệu của Trung tâm nghiên cứu về hôn nhân ở Tokyo. Theo đó, 52% số cặp hôn nhân do tình yêu là làm quen với nhau ở nơi làm việc, trong khi đó thì 56% số cặp kết hôn theo mai mối, dàn xếp lại biết nhau qua sự giúp đỡ của người quen. Trong số cặp kết hôn do tình yêu, có độ tuổi chênh lệch nhau không quá một năm là 20%, trong khi đó ở loại hôn nhân do "sắp đặt" có số cặp chênh lệch tuổi ba năm là đông nhất (30%). Các cặp vợ chồng lấy nhau do tình yêu về cơ bản đã biết nhau trước khi cưới là 4 tháng (chiếm số đông), tiếp sau đó là 5 tháng hoặc 8 tháng. Còn đối với các cặp "hôn nhân" theo sự sắp đặt, khoảng thâm niên quen biết nhau thường dao động trong khoảng từ 6 đến 9 tháng. Nếu như nam nữ thanh niên lấy nhau "do tình yêu" thì những lần đầu cầm tay người vợ (chồng) tương lai hoặc đi công viên chơi

(phần lớn trường hợp) hoặc vào các quán ăn quán cà phê chiếm một tỉ lệ lớn.. Trong khi đó các cặp lấy nhau do "sắp đặt" thì tuyệt đại bộ phận các trường hợp, chuyện cưới xin, ký kết hôn nhân lại được tiến hành "ở nhà cô gái" và tuân theo chuẩn mực truyền thống.

Qua các số liệu nghiên cứu, cho thấy có sự khác biệt lớn giữa hai loại hôn nhân, đó không phải là tuổi tác mà là về khả năng tài chính của hai loại hôn nhân này. Ở nhóm các cặp vợ chồng lấy nhau "do tình yêu", phần lớn chỉ có thu nhập trong giới hạn từ 45 đến 75 ngàn yên (số liệu năm 1974) còn những người lấy nhau do "sắp đặt" thì phần lớn có thu nhập từ 100 ngàn yên trở lên và là những người thuộc tầng lớp giàu có. Trái lại, những người kết hôn "do tình yêu" chủ yếu là những người có thu nhập thấp hoặc trung bình trong xã hội. Số liệu trên cho thấy rất rõ ràng là những cuộc hôn nhân "theo sự dàn xếp của cha mẹ" đều thuộc tầng lớp giàu có trong xã hội, trong khi đó số kết hôn thiên về "do tình yêu" là những lớp người bình dân có thu nhập thấp. Nhận xét trên được khẳng định thêm là 30% những cặp kết hôn do tình yêu hầu như không có quà tặng dưới dạng phong bì tiền hôn mỗ chức lễ ăn hỏi, trong khi đó, con số này ở những trường hợp lấy nhau "do mai mối sắp đặt" là 16%. Chính những uẩn khúc xã hội được biểu lộ tương đối rõ giữa các trường hợp lấy nhau "do tình yêu" và do "sự sắp đặt của cha mẹ". Cũng có thể những nhận xét trên là chưa chính xác, hoặc có thể những trường hợp kết hôn do tình yêu phần lớn là thanh niên, những người mới bước vào đời, mới tốt nghiệp các trường

học nghề, cao đẳng, đại học... họ đều là những người mới đi làm, thâm niên ít, lương bổng thấp (*). Độ tuổi chênh lệch ở "loại hôn nhân" này như trên đã đề cập, là không đáng kể. Còn ở những cuộc hôn nhân "do sắp đặt", thường là những người đã có tuổi và dĩ nhiên, họ có thâm niên làm việc, do vậy, thu nhập thường cao hơn. Những người "có thâm niên" làm việc đã có tuổi thường có xu hướng chọn vợ ít tuổi hơn. Do vậy, độ chênh lệch tuổi tác ở loại hôn nhân này thường lớn.

Ngoài ra, sách báo Nhật Bản cũng cho thấy có khuynh hướng kết hôn giữa người Nhật Bản với người dân tộc khác và người nước ngoài, những trường hợp như vậy ngày một gia tăng. Song, những cuộc hôn nhân giữa người Nhật Bản với người dân tộc khác và người nước ngoài hiện chỉ chiếm con số rất khiêm tốn trong tổng số các cặp kết hôn hàng năm. Năm 1975, trong số 941.628 trường hợp đăng ký kết hôn ở Nhật Bản chỉ có 6.045 trường hợp người Nhật Bản kết hôn với người khác dân tộc, người nước ngoài. Tuyệt đại đa số các trường hợp kết hôn hỗn hợp này thì

* Ở Nhật Bản, áp dụng chế độ lương bổng theo thâm niên suốt đời, theo đó lương của người công nhân phụ thuộc vào thâm niên người đó làm việc cho nhà máy, xí nghiệp, công ty... Như vậy, người công nhân có thâm niên càng cao thì lương càng nhiều ít tính đến năng lực chuyên môn của người đó. Khi người công nhân vì nguyên nhân nào đó xin chuyển sang nhà máy hoặc xí nghiệp khác, người đó sẽ mất đi thâm niên và như vậy lương sẽ thấp hơn những người cùng lứa tuổi. Do vậy, chế độ lương bổng này gắn người công nhân suốt đời với một nhà máy hoặc một công ty, xí nghiệp, cản trở tính cơ động, sáng tạo của đội ngũ công nhân. Hiện nay người ta đang lên án chế độ lương bổng này.

người chồng là người Nhật Bản, còn vợ là người nước khác, thường là người Triều Tiên, người Đài Loan, là những nước Nhật Bản đã từng có thời gian chiếm đóng và có nền văn hoá tương đồng với Nhật Bản, trong những thập niên gần đây là người Philippin và Trung Quốc lục địa. Chỉ tính trong vòng 10 năm từ 1945-1975, các cuộc hôn nhân hỗn hợp tăng gấp 3 lần, điều

này cho thấy đã có sự "quốc tế hoá" trong cách suy nghĩ của người Nhật Bản.

Hiện tượng hôn nhân hỗn hợp với người nước ngoài cụ thể vợ là người Nhật Bản-chồng người nước ngoài cũng gia tăng trong vài ba thập niên gần đây, nhưng tỷ lệ vẫn ít hơn so với các cặp hôn nhân hỗn hợp chồng là người Nhật Bản- vợ người nước ngoài

Bảng 3: Hôn nhân hỗn hợp của người Nhật Bản với người ngoại quốc

a. Cô dâu người ngoại quốc

Năm	1970	%	1980	%	1990	%	1996	%
Triều Tiên	1536	72.9	2458	66	8490	44.6	4461	21.1
Trung Quốc	280	13.3	912	20.8	3614	18	6264	29.6
Mỹ	75	3.6	178	4.1	260	1.3	241	1.1
Các nước khác	217	10.3	838	19.1	7212	36	10196	48.2
Tổng số	2108	100	4386	100	20026	100	21162	100

b. Chú rể người ngoại quốc

Năm	1970	%	1980	%	1990	%	1996	%
Triều Tiên	1386	40.3	1651	57.4	2721	48.6	2800	38.8
Trung Quốc	195	5.7	194	6.7	708	12.6	776	10.7
Mỹ	1571	45.7	625	21.7	1091	19.5	1357	18.8
Các nước khác	28	8.3	40	14.1	108	19.3	2280	31.6
Tổng số	3438	133	2875	100	5600	100	7510	100

Nguồn: Japan's Annals, 1999, p.63.

Còn theo số liệu thống kê thì: cô dâu là người Triều Tiên năm 1970 chiếm 2,4% trong tổng số cặp kết hôn giữa chồng là người Nhật Bản và vợ là người nước ngoài. Tỷ lệ này là 66% vào năm 1980 và còn 44,6% vào năm 1990. Cũng vào những năm trên số chú rể là người Triều Tiên chiếm tỷ lệ khá lớn trong các cặp vợ chồng hỗn hợp Triều Tiên-Nhật Bản. Tỷ lệ ấy vào các năm như sau: chiếm 40,3% vào

năm 1970; 57,4% vào năm 1980 và 48,6% năm 1990. Xu hướng hôn nhân hỗn hợp giữa người Nhật Bản với người Trung Quốc, Thái Lan, Philippin cũng gia tăng. Những người nước này muốn được nhập quốc tịch Nhật Bản thì phải lấy người Nhật Bản và đổi họ tên theo người Nhật Bản. Chỉ tính riêng năm 1996 đã có 6.645 phụ nữ Philippin lấy chồng người Nhật Bản đứng đầu danh sách những cô dâu người nước ngoài ở Nhật Bản.

Bảng 4: Hôn nhân hỗn hợp giữa người Triều Tiên và người Nhật Bản

Năm	Tổng số	Trong đó với người Nhật Bản	
		Tổng số	%
1974	6845	2922	42.7
1975	7201	3548	49.3
1980	7222	4109	56.4
1981	7213	4224	58.5
1982	7613	4712	61.9
1983	8039	5292	65.8
1984	7772	5230	67.3
1985	8588	6147	71.6

Nguồn: Hideichiro Nakano - *The Japanese Society, Kamawanu Publishing House, 1995, p.7.*

Những cuộc thăm dò dư luận gần đây cho thấy tình hình sức khoẻ, khả năng thu vén, quán xuyến công việc gia đình và nuôi dạy con cái là một trong những tiêu chí quan trọng nhất đối với các chàng trai Nhật Bản khi tìm chọn bạn đời. Còn yêu cầu của các cô gái đối với các chàng trai thì sao? Theo số liệu gần đây nhất (1974) cho thấy tiêu chí "3H", High education achieve (bằng cấp và học vị cao); High everage phisical (chiều cao cơ thể trên mức trung bình) và High income (thu nhập cao) là một của các cô gái Nhật Bản tìm kiếm bạn đời. Những tiêu chí trên của các cô gái quả là rất thực tế đối với một xã hội phát triển cao như Nhật Bản, khi mà khả năng tiến thân chủ yếu dựa vào trình độ học vấn, có bằng cấp càng cao thì càng có cơ may leo cao vào những công ty, xí nghiệp lớn hoặc cơ quan nhà nước, giữ những chức vụ trọng yếu và điều này dĩ nhiên thu nhập càng cao. Mặc dầu những trào lưu, những tiêu chí về đức hạnh, tiền bạc, thu nhập, gia cảnh..., trong việc lựa chọn bạn đời có thay đổi, nhưng tiêu chí cơ bản nhất như tính tình, nhân cách, nghề

ng nghiệp ổn định... vẫn chiếm vị trí nhất định.

Số liệu gần đây nhất, được công bố trên tạp chí báo ảnh "Tìm hiểu Nhật Bản" (*Nippinia*) số 9/1999 cũng chứng minh cho nhận định trên.

Bảng 5: Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời (%)

Tiêu chí lựa chọn	Nam	Nữ
Tính tình và nhân cách	93	74
Hợp tính và tế nhị	81	15
Thu nhập	34	45
Nghề nghiệp	28	28
Gia cảnh	20	17

Mặc dầu có những thay đổi trong quan niệm hôn nhân của người Nhật Bản trong những thập niên gần đây, như nam nữ thanh niên đã được "tự do" lựa chọn bạn đời với sự đồng ý của cha mẹ là nét đặc trưng trong hôn nhân, nhưng những người chuyên nghề mối lái ... cho đến tận hiện nay vẫn đóng vai trò quan trọng trong phần lớn các cuộc hôn nhân ở nước này.

Hiện nay, cùng với sự phát triển xã hội, nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời, trong đó có dịch vụ "mối lái". Nhiều công ty "tư vấn hôn nhân", sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại vào mục đích này. Ngày nay ở Nhật Bản có hàng ngàn công ty đang hành nghề mối lái cho các cuộc hôn nhân.

Có những công ty lớn hiện đang hành "nghề kinh doanh mối lái" ở các địa phương khác nhau. Ví dụ, trong ngân hàng "Miva" với mục đích trên, đã thành lập hội "Midorikai"; trong ngân hàng "Daiichi" có câu lạc bộ "Daiôkurabu"; trong tập đoàn "Mishubishi" có câu lạc bộ "Daijamondo" được thành lập trên cơ sở của 27 công ty. Thực chất hoạt động của bộ máy hành chính câu lạc bộ này, như giới báo chí thừa nhận, là để thu hút

những người chưa lập gia đình trong công ty tham gia. Dựa vào những yêu cầu của họ, ban điều hành sẽ chọn ra những cặp tương xứng để thu xếp cho họ gặp gỡ, làm quen với nhau. Thoạt đầu câu lạc bộ chỉ kết nạp những hội viên thuộc các công ty trong tập đoàn. Về sau, câu lạc bộ mở rộng sang cả những xí nghiệp nhà máy thuộc những tập đoàn khác. Cũng theo số liệu của giới báo chí, năm 1976 câu lạc bộ đã có 5.500 hồ sơ của những người muốn tìm kiếm bạn đời. Để chọn ra "những cặp tương đồng", ban điều hành đã dùng đến máy tính. Trong chừng mực nào đó, nghề kinh doanh mai mối cũng đơn thuần là một nghề kinh doanh như bao ngành nghề khác, và mỗi một khách hàng muốn được sự trợ giúp của câu lạc bộ đều phải đóng khoản tiền 10 ngàn yên, còn trong trường hợp tiến tới hôn nhân với người do câu lạc bộ giới thiệu thì phải trả thêm 100 ngàn yên nữa. Qua một năm rưỡi hoạt động, câu lạc bộ đã xe duyên cho gần 100 cặp vợ chồng. Còn theo công ty TNHH OMMG thì "những khách hàng của công ty muốn có người bạn đời có cùng lối sống và sở thích, cũng như hội đủ những điều kiện về thu nhập và vóc dáng... Công ty đã dùng một hệ thống máy vi tính để giới thiệu. Khoảng 64.000 nam nữ trên khắp đất nước Nhật Bản đã đăng ký với công ty để hy vọng tìm được người phù hợp. Bên cạnh dịch vụ tìm bạn qua máy vi tính, công ty còn phát hành một nguyệt san đăng tải những mục tự giới thiệu, thông tin mới nhất về những hoạt động của các hội viên. Hội phí cho thời hạn ba năm là 365.000 yên, trả trước một lần. Đa số hội viên ở lứa tuổi 30 (Nippinia số 9/1999, tr.14).

Những hoạt động nhộn nhịp, bận rộn của công việc mai mối đã đưa lại kết quả khả quan. Trong những năm 90 trung bình hàng năm có khoảng 750.000 cặp kết hôn, giảm chút ít so với con số trung bình hàng năm ở thập niên 70, là thời kỳ có con

số kết hôn hàng năm cao nhất kể từ sau chiến tranh thế giới II đến nay.

Bảng 6: Số các cuộc kết hôn và ly dị

Năm	Kết hôn	Ly dị	% ly dị/ kết hôn
1960	866.115	69.410	8,01
1965	954.852	77.195	8,08
1970	1.029.405	95.937	9,32
1975	941.628	119.135	12,65
1980	774.702	141.689	18,28
1985	735.850	166.640	22,64
1990	722.138	157.608	21,82
1995	791.888	199.016	25,13
1997	775.651	222.635	28,70

Nguồn: Nipponia, số tháng 9/1999, tr. 11

Theo số liệu khác cũng do Nhà nước công bố thì số người đã có vợ, có chồng ở độ tuổi 40 trở xuống năm 1980 vượt xa Mỹ và các nước Tây Âu, chỉ thua kém Nam Triều Tiên.

Song, cùng với thời gian, cách nhìn nhận về hôn nhân của tầng lớp thanh niên Nhật Bản cũng có những thay đổi nhất định. Phải chăng cùng với việc được tự do hơn trong hôn nhân, xu hướng tự mình tìm kiếm bạn đời gia tăng thì cũng là sự gia tăng số các cặp ly dị. Nhận xét giữa hai loại hôn nhân, một loại do mai mối, dàn xếp và loại thứ hai là hôn nhân do tình yêu, giáo sư Sadaco Ogata cho rằng "hôn nhân do mai mối dàn xếp không phải là một hệ thống dở. Nó giúp cho tầng lớp trẻ có một lựa chọn hợp lý và tình yêu có thể đến sau" và hôn nhân theo mai mối thường bền vững hơn so với hôn nhân do tình yêu (Nguồn: George Stalk- Phong cách người Nhật trong kinh doanh, Nxb. Thống kê TPHCM 1995, tr. 82-83). Hôn nhân do mai mối thường được cân nhắc kỹ từ nhiều khía cạnh giữa hai phía cô dâu, chú rể tương lai và cả hai phía gia đình của họ.

Ngoài ra, cách suy nghĩ về hôn nhân đối với tầng lớp thanh niên Nhật Bản cũng có phần nào khác trước. Nếu như những năm sau chiến tranh, việc lấy vợ lấy chồng là "chuyện tất yếu" nhất thiết phải có trong xã hội và chỉ có số rất ít người được liệt kê vào trường hợp đặc biệt (như tàn tật, dị dạng...) mới không lấy vợ, lấy chồng. Còn ngày nay, vấn đề lại hoàn toàn ngược lại, một số thanh niên không muốn xây dựng gia đình, không muốn bận rộn con cái để khỏi ảnh hưởng tới việc làm, học hành...

Bảng 7: Tỷ lệ nam nữ 50 tuổi trở lên chưa bao giờ lập gia đình (%)

Năm	Nam	Nữ
1950	1,46	1,35
1960	1,26	1,87
1970	1,70	3,33
1980	2,60	4,45
1990	5,57	4,43
1995	9,07	5,28

Nguồn: Nipponia, số tháng 9 / 1999

Mặt khác, vấn đề ngoại tình, sống chung với nhau không đăng ký kết hôn gia tăng khiến cho số người sống độc thân từ 50 tuổi trở xuống cũng gia tăng (xem bảng trên), nếu tính cả nam và nữ thì năm 1950 là 2,81%, năm 1960 là 3,13%, năm 1970 là 5,03%, năm 1980 là 7,05%, năm 1990 là 10% và năm 1995 là 14,35%. Trả lời câu hỏi "tại sao muộn như vậy mà lại chưa lập gia đình", về phía nữ có 24,1% được phỏng vấn cho rằng người ta có thể sống sung túc mà không cần phải lập gia đình, 19,6% cho rằng phụ nữ đã có thể độc lập về kinh tế, 11,9% không muốn bị phiền toái vì những trách nhiệm pháp lý đối với xã hội, 9,2% cho rằng rất khó tìm được người thích hợp và 9,1% cho rằng sống độc thân không còn là một điều bất tiện. Còn những lý do của phái nam đưa

ra thì: 21,5% số người được phỏng vấn cho rằng người ta có thể sống sung túc mà không phải lập gia đình, 15% cho rằng có những bất lợi về kinh tế khi lập gia đình, 11,8% cho rằng không muốn phiền toái về trách nhiệm pháp lý và xã hội, 10,2% cho rằng rất khó tìm được người thích hợp và 10,1% sống độc thân còn là điều bất tiện.

Trên đây chỉ là một vài khía cạnh về thể chế hôn nhân ở Nhật Bản sau chiến tranh. Với sự phát triển "thần kỳ" của nền kinh tế từ đồng tro tàn, với nền khoa học công nghệ tiên tiến, với mức sống cao nhất thế giới ... đang làm cho xã hội Nhật Bản có nhiều thay đổi. Trong bối cảnh quốc tế hoá và toàn cầu hoá hiện nay, thể chế hôn nhân ở Nhật Bản cũng đã, đang và sẽ theo xu thế chung như các nước phương Tây, những số liệu về số kết hôn và ly dị từ năm 1960 đến năm 1997 (trang 15) đã minh chứng cho nhận xét trên, vấn đề là tốc độ sẽ diễn ra như thế nào mà thôi.

Tài liệu tham khảo

1. Chai Emiko, *The Japanese Family System in Transition (A Sociological Analysis of Family Change in Postwar Japan)*, Published by LTCB International Library Foundation 1997.
2. Matthews Masayuki Hamabata, *Crested Kimono (Power and Love in the Japanese Business Family)*, Cornell University Press 1990.
3. Hideichiro Nakano, *The Japanese Society*, Kamawanu Publishing House 1995.
4. Tap chí Nipponia N1/ 1999.
5. I.A.Latusev, *Cuộc sống gia đình của người Nhật Bản*, M.1985 (tiếng Nga).
6. C.A.Arutiunov, *Lối sống hiện nay của người Nhật Bản*, M.1968 (tiếng Nga).
7. Japan's Annalas 1999.
8. George Stalk và cộng sự, *Phong cách người Nhật trong kinh doanh*, Nxb, tp. HCM,1995.